TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Số: 508 /QĐ-CĐĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Công tác sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I, Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH ngày 12/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt và Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;

Căn cứ Quyết định 1061/QĐ-ĐS ngày 28/8/2024 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt và Quyết định số 1259/QĐ-ĐS ngày 10/10/2024 Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường Cao đẳng Đường sắt và Quyết định số 1259/QĐ-ĐS ngày 10/10/2024;

Căn cứ Thông tư 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác sinh viên;

Xét đề nghị của phòng Kiểm định chất lượng đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định Công tác sinh viên" của Trường Cao đẳng Đường sắt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 196/QĐ-CĐĐS ngày 06/4/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy đào tạo trong Trường Cao đẳng Đường sắt.

Điều 3. Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, giám đốc các trung tâm, giám đốc các phân hiệu, trưởng các phòng, khoa, tổ bộ môn, các cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên toàn Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Website trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KĐCLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

TS. Trương Trọng Vương

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 508/QĐ-CĐĐS ngày 08 tháng 7 năm 2026)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về nội dung công tác học sinh, sinh viên (gọi chung là sinh viên) và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác sinh viên.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị trong Trường Cao đẳng Đường sắt (sau đây gọi là Trường); học sinh học chương trình đào tạo trình độ trung cấp; sinh viên học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng tại Trường; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công tác sinh viên là hệ thống các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, quản lý, tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Nhà trường nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Sinh viên nội trú là sinh viên cư trú trong khu vực do Nhà trường bố trí tại khu nội trú hoặc ký túc xá (sau đây gọi chung là khu nội trú) do Nhà trường quản lý.

3. Sinh viên ngoại trú là sinh viên không cư trú trong khu nội trú do Nhà trường quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên phải được thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, hiện đại; phát huy tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện công tác sinh viên.

2. Mọi hoạt động của công tác sinh viên phải hướng đến sinh viên và được Nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện trong quá trình sinh viên học tập và rèn luyện tại Nhà trường.

3. Công tác sinh viên phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, chú trọng giáo dục kỷ luật lao động, an toàn lao động, trách nhiệm nghề nghiệp và tác phong công nghiệp; giữa các đơn vị liên quan với tổ chức đoàn thể trong Nhà trường; đồng thời có cơ chế tăng cường phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và xã hội nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Mục 1

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG; PHÁP LUẬT; ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, VĂN HÓA, THẨM MĨ; THỂ CHẤT; KỸ NĂNG CHO SINH VIÊN

Điều 4. Giáo dục chính trị, tư tưởng

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức, nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; nâng cao bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường phát triển của đất nước.

2. Nội dung giáo dục tập trung vào phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các định hướng lớn của ngành Giáo dục; cung cấp thông tin về các vấn đề chính trị, thời sự trong nước và quốc tế có liên quan; định hướng nhận thức chính trị cho sinh viên, trang bị kiến thức nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc.

3. Tổ chức các diễn đàn, hoạt động giáo dục đa dạng, thiết thực gắn với giáo dục chính khóa; tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên bày tỏ quan điểm của cá nhân; nắm bắt thông tin, xây dựng các phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với thực tế của sinh viên.

Điều 5. Giáo dục pháp luật

1. Giáo dục để sinh viên hiểu và chấp hành Hiến pháp và pháp luật, hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của sinh viên trong cuộc sống, học tập và làm việc.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên kiến thức về Hiến pháp, pháp luật liên quan quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền, trách nhiệm của sinh viên và các quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến sinh viên.

3. Tổ chức diễn đàn, hội thi, hoạt động ngoại khóa đa dạng, thiết thực, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên nâng cao hiểu biết và tuân thủ, chấp hành pháp luật trong thực tiễn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên.

Điều 6. Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ

1. Giáo dục, bồi dưỡng để sinh viên hình thành và phát triển hệ giá trị cơ bản của công dân Việt Nam trong thời kỳ mới là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, sáng tạo; biết sống tự chủ, nhân văn, ứng xử văn minh; tôn trọng truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; có thị hiếu thẩm mỹ phù hợp với thuần phong mỹ tục và giá trị văn hóa dân tộc.

2. Xây dựng hệ giá trị của sinh viên trong môi trường giáo dục thông qua việc giáo dục, bồi dưỡng ý thức công dân; trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; tinh thần cống hiến, khát vọng vươn lên, lập nghiệp, khởi nghiệp; ý thức ứng xử văn minh trong môi trường học tập, sinh hoạt và không gian mạng; tôn trọng sự khác biệt, đề cao hợp tác, hội nhập và phát triển bền vững.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ, thể thao và trải nghiệm xã hội phù hợp nhằm phát triển nhân cách, năng lực sáng tạo và lan tỏa các giá trị nhân văn trong học tập, lao động và đời sống.

Điều 7. Giáo dục thể chất

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức đúng vai trò, tác dụng của rèn luyện thể chất, hoạt động thể dục, thể thao và chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe và phát triển toàn diện.

2. Hướng dẫn cho sinh viên nội dung, phương pháp tập luyện thể dục, thể thao đúng cách, an toàn, hình thành thói quen tự tập luyện thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất của bản thân.

3. Tổ chức các hoạt động thể thao cho sinh viên theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Giáo dục kỹ năng

1. Giáo dục để sinh viên có năng lực thích ứng với sự thay đổi của xã hội, công nghệ và thị trường lao động; góp phần phát triển toàn diện nhân cách, nâng cao năng lực nghề nghiệp và năng lực công dân.

2. Tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phòng tránh rủi ro trên không gian mạng, kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng hội nhập; chú trọng phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng thiết yếu cho cuộc sống và nghề nghiệp.

3. Căn cứ đặc điểm đào tạo và nhu cầu thực tiễn để xây dựng chương trình, hoạt động giáo dục kỹ năng phù hợp, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng một cách bền vững, hiệu quả.

Mục 2

CÔNG TÁC TƯ VẤN, HỖ TRỢ SINH VIÊN

Điều 9. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên

1. Tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực tự học, rèn luyện và phát triển toàn diện cho sinh viên; hỗ trợ sinh viên nâng cao năng lực phòng ngừa, nhận diện, giải quyết các khó khăn trong học tập, sức khỏe thể chất và tinh thần, quan hệ xã hội; đồng thời tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ và cơ hội cần thiết phục vụ học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và phát triển năng lực cá nhân.

2. Nội dung tư vấn, hỗ trợ sinh viên bao gồm các nhóm hoạt động chủ yếu sau đây:

a) Tư vấn học đường và công tác xã hội;

b) Tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên;

c) Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe;

d) Tư vấn, hỗ trợ khác.

3. Công tác tư vấn học đường và công tác xã hội; công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong Nhà trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe

a) Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên khi gặp các vấn đề về sức khỏe; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên về chế độ học tập, sinh hoạt, ăn uống điều độ, bảo đảm dinh dưỡng, vệ sinh, an toàn; kỹ năng phòng ngừa và bảo vệ bản thân đối với các chất ma túy; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích và các kiến thức, kỹ năng khác về bảo vệ sức khỏe;

c) Thực hiện hướng dẫn về công tác y tế trường học trong Nhà trường theo quy định của pháp luật.

5. Tư vấn, hỗ trợ khác

a) Tổ chức xét chọn, trao quà tặng, trao học bổng tài trợ cho sinh viên; phối hợp với các tổ chức, cá nhân tài trợ xây dựng, quản lý các quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên theo quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ sinh viên tiếp cận, sử dụng chỗ ở và các dịch vụ thiết yếu phục vụ học tập, rèn luyện và sinh hoạt theo điều kiện thực tiễn của Nhà trường;

c) Phổ biến, hướng dẫn và tư vấn thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, thủ tục nghĩa vụ quân sự, cấp đổi giấy phép lái xe và các thủ tục cần thiết khác gắn với sinh viên theo quy định của pháp luật;

d) Rà soát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; triển khai các biện pháp hỗ trợ như miễn giảm học phí, học bổng, tín dụng sinh viên và huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm bảo đảm cơ hội học tập cho sinh viên;

đ) Phát hiện, bồi dưỡng và hỗ trợ sinh viên có năng khiếu, tài năng trong học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và các lĩnh vực khác; tạo điều kiện phát triển năng lực, phát huy thế mạnh cá nhân phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

6. Đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên có trách nhiệm cung cấp tên cán bộ, giảng viên phụ trách công tác sinh viên, địa chỉ tiếp nhận thông tin,

số điện thoại liên lạc của cá nhân, đơn vị liên quan cho người học và gia đình người học để dễ dàng tiếp cận tư vấn khi có các nguy cơ, khó khăn cần trợ giúp.

Điều 10. Thực hiện chế độ, chính sách đối với sinh viên

Hướng dẫn, thực hiện thủ tục miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cho sinh viên.

Mục 3
CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điều 11. Tổ chức, hành chính

1. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban Cán sự lâm thời lớp sinh viên; cấp thẻ cho sinh viên.

2. Quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan của sinh viên theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, bảo mật, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Xác nhận, cấp các giấy tờ, giải quyết thủ tục đối với sinh viên theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hằng năm về công tác sinh viên.

5. Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu sinh viên, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ của sinh viên theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức triển khai các thủ tục liên quan đến sinh viên trên môi trường số theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đánh giá kết quả rèn luyện và công tác khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên

1. Thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo quy định tại Mục 4 Chương II của Quy định này.

2. Thực hiện công tác khen thưởng theo quy định về thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục và xử lý kỷ luật sinh viên theo quy định tại Mục 5 Chương II của Quy định này. Hiệu trưởng hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) xem xét, quyết định khen thưởng đối với sinh viên, tập thể sinh viên theo năm học và toàn khóa học.

Điều 13. Quản lý sinh viên nội trú

1. Bố trí lực lượng trực bảo đảm giải quyết kịp thời các sự vụ liên quan đến sinh viên trong khu nội trú; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định của sinh viên nội trú và xử lý các vi phạm khi xảy ra.

2. Tổ chức các hoạt động tự quản để sinh viên phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm với bản thân, biết tôn trọng tập thể; khen thưởng sinh viên nội trú có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động ở khu nội trú.

3. Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa đơn vị phụ trách khu nội trú với sinh viên và gia đình sinh viên để nắm bắt tình hình và kịp thời xử lý các vụ việc xảy ra liên quan trong khu nội trú.

4. Xây dựng, tổ chức các phong trào thi đua trong khu nội trú về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, mỹ quan trong phòng ở, khu nội trú.

Điều 14. Quản lý sinh viên ngoại trú

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện công tác phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong quản lý và hỗ trợ sinh viên ngoại trú.

2. Lập kênh thông tin giữa nhà trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ trên địa bàn; cập nhật việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên; phối hợp với cơ quan công an trong công tác quản lý cư trú, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý theo quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh liên quan đến sinh viên ngoại trú; tổ chức tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm.

3. Công bố đầu mối tiếp nhận thông tin để sinh viên kịp thời phản ánh, cung cấp các thông tin cần thiết có liên quan đến nhà trường.

Điều 15. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học

1. Xây dựng, ban hành và thực hiện nội quy, quy định, chương trình, kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học trong sinh viên theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình của sinh viên để có biện pháp quản lý, tuyên truyền, giáo dục, xử lý kịp thời hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, an toàn trường học theo quy định của pháp luật.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 16. Nội dung, thang điểm và tiêu chí

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá về trách nhiệm, tinh thần và thái độ rèn luyện phẩm chất của sinh viên. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 100. Nội dung đánh giá và khung điểm được thực hiện như sau:

1. Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường (tối đa 25 điểm):

a) Trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong nhà trường;

b) Trách nhiệm chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của nhà trường.

2. Trách nhiệm, tinh thần và thái độ trong học tập (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học;

b) Trách nhiệm và tinh thần tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

c) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập.

3. Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. Sinh viên là người khuyết tật được đánh giá trách nhiệm tham gia các hoạt động tùy theo tình trạng sức khỏe phù hợp, đảm bảo sự công bằng trong từng trường hợp cụ thể;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 15 điểm):

a) Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.

5. Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam và các tổ chức khác của nhà trường;

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và nhà trường;

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoạt động khởi nghiệp và các cuộc thi, hoạt động khác dành cho sinh viên được Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 17. Đánh giá, xếp loại

1. Hiệu trưởng hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu;

b) Thường trực Hội đồng là trưởng hoặc phó đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên;

c) Các ủy viên là đại diện lãnh đạo các khoa, tổ bộ môn liên quan, đại diện lãnh đạo Phòng Đào tạo, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường và đại diện lãnh đạo đơn vị liên quan.

2. Quy trình, nội dung, thang điểm và tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được quy định như sau:

a) Căn cứ vào tiến độ đào tạo các lớp, trưởng hoặc phó đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên tham mưu lập kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện cho từng học kỳ.

b) Căn cứ kế hoạch đánh giá kết quả rèn luyện, giáo viên chủ nhiệm phổ biến kế hoạch, cung cấp mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện và đôn đốc sinh viên tự đánh giá. Thang điểm và tiêu chí đánh giá theo Mẫu Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo Phụ lục I của Quy định này.

c) Đến thời điểm đánh giá theo quy định, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết theo mẫu phiếu đánh giá.

d) Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp để xem xét, đánh giá, thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở kết quả rèn luyện thực tế và phải được quá 1/2 ý kiến đồng ý của tập thể lớp. Kết quả cuộc họp đánh giá của lớp phải được ghi biên bản, có chữ ký của giáo viên chủ nhiệm (người chủ trì) và thư ký cuộc họp (do cuộc họp đề xuất). Giáo viên chủ nhiệm lập Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của sinh viên lớp mình theo mẫu Phụ lục II của Quy định này.

đ) Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên của Trường xem xét, thống nhất. Kết quả rèn luyện của sinh viên phải được thông báo cho sinh viên ít nhất 5 ngày trước khi ban hành quyết định kết quả rèn luyện. Trong trường hợp không nhất trí với kết quả rèn luyện đã được thông báo, sinh viên có thể kiến nghị đến bộ phận thông báo kết quả rèn luyện để xem xét giải quyết.

e) Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) xem xét và quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên sau khi hết thời hạn thông báo.

g) Chậm nhất 5 ngày sau khi Quyết định được phê duyệt, và công bố công khai, đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên nhập kết quả rèn luyện vào phần mềm quản lý đào tạo của Trường; đơn vị quản lý Sổ quản lý học sinh, sinh viên ghi kết quả rèn luyện của sinh viên vào sổ và lưu trữ theo quy định.

3. Phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên:

a) Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành 05 loại: Loại xuất sắc, loại tốt, loại khá, loại trung bình và loại yếu. Loại xuất sắc: từ 90 đến 100 điểm;

loại tốt: từ 80 đến dưới 90 điểm; loại khá: từ 70 đến dưới 80 điểm; loại trung bình: từ 50 đến dưới 70 điểm; loại yếu: dưới 50 điểm;

b) Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;

c) Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ; bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;

d) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

đ) Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

e) Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở trường mới. Sinh viên chuyển trường từ nước ngoài về sẽ chỉ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện với các kỳ học tại Việt Nam và bảo lưu đánh giá ở trường cũ (nếu có);

g) Sinh viên tham gia trao đổi với cơ sở giáo dục ở nước ngoài do Nhà trường cử đi với thời gian từ ½ học kỳ trở lên sẽ đánh giá kết quả rèn luyện theo quy đổi của Nhà trường với cơ sở giáo dục nước ngoài.

4. Thời gian đánh giá và cách tính điểm:

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành theo học kỳ, năm học và toàn khóa học;

b) Điểm rèn luyện của sinh viên trong kỳ học là tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí, nội dung đánh giá quy định. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các kỳ học trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

5. Sử dụng kết quả:

a) Kết quả rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý tại Nhà trường và thể hiện ở bảng điểm kết quả học tập khi kết thúc khóa học;

b) Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, xét khen thưởng năm học, toàn khóa học và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của sinh viên;

c) Kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

Mục 5
KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 18. Mục đích, nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định của nhà trường, quy định của pháp luật; giáo dục, giúp đỡ để sinh viên tự giác điều chỉnh hành vi, sửa chữa khuyết điểm, thay đổi nhận thức, tự giác rèn luyện để tiến bộ; tăng tính chủ động, tích cực trong thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, Nhà trường và xã hội; góp phần giữ vững kỷ cương, nền nếp trong nhà trường.

2. Khách quan, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật và có tính giáo dục; không xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý kỷ luật đối với sinh viên.

3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu sinh viên có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm.

4. Chưa xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong thời gian nghỉ điều trị bệnh; nghỉ học được sự đồng ý của nhà trường; chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật.

5. Việc xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, nguyên nhân vi phạm; các chứng cứ thu nhận được; thái độ nhận lỗi và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra. Sinh viên bị xem xét kỷ luật được tham dự họp xét kỷ luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

6. Sinh viên đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

b) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm kỷ luật mới.

Điều 19. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Sinh viên có hành vi sau đây thì bị xem xét xử lý kỷ luật:

a) Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục;

b) Các hành vi vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy tắc của nhà trường;

c) Các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến môi trường giáo dục, quyền và lợi ích hợp pháp của người học, viên chức, người lao động và hoạt động của nhà trường.

2. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Mức độ 1 là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp;

b) Mức độ 2 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, khoa của nhà trường, gây dư luận xấu trong Nhà trườnghoặc ngoài nhà trường;

c) Mức độ 3 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài nhà trường, gây dư luận bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường;

d) Mức độ 4 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của nhà trường.

Điều 20. Hình thức kỷ luật

1. Khiển trách.

2. Cảnh cáo.

3. Đình chỉ học tập có thời hạn.

4. Buộc thôi học.

Điều 21. Áp dụng hình thức kỷ luật

Sinh viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều 19 của Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, có thể bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách đối với sinh viên có hành vi vi phạm mức độ 1 được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Quy định này.

2. Cảnh cáo đối với sinh viên đang bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 2 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Quy định này.

3. Đình chỉ học tập có thời hạn đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 3 được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Quy định này. Thời hạn đình chỉ học tập do Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm nhưng không quá 12 tháng (hoặc 01 năm học).

4. Buộc thôi học đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 4 được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 19 Quy định này.

Khung xử lý kỷ luật sinh viên cho một số hành vi vi phạm nội quy trường thực hiện theo Phụ lục III của Quy định này.

Điều 22. Trình tự và hồ sơ xử lý kỷ luật

1. Trình tự xử lý kỷ luật:

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Giáo viên chủ nhiệm chủ trì họp với ban cán sự lớp, phân tích và thống nhất đề nghị hình thức kỷ luật gửi đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên;

c) Đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên tổ chức họp, xem xét và có văn bản báo cáo Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) đề nghị xem xét quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường;

d) Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng kỷ luật phải tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần tham gia dự họp bao gồm các thành viên của Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường, đại diện tập thể lớp có sinh viên vi phạm, sinh viên có hành vi vi phạm, đại diện của các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

đ) Sinh viên vi phạm đã được mời mà không đến dự họp, không có lý do chính đáng hoặc không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật của sinh viên. Hội đồng kỷ luật xem xét, bỏ phiếu kín, kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) xem xét việc ra quyết định kỷ luật. Chỉ các thành viên Hội đồng kỷ luật sinh viên của Nhà trường có quyền bỏ phiếu.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật:

a) Bản tự kiểm điểm của sinh viên có hành vi vi phạm;

b) Biên bản họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm;

c) Văn bản đề nghị của đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) được ra quyết định kỷ luật mà không phải thực hiện theo trình tự, thủ tục và hồ sơ xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với các hành vi vi phạm có đủ các điều kiện gồm: Hành vi vi phạm đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật; có đủ căn cứ, chứng cứ xác định rõ hành vi vi phạm; vụ

việc không có tình tiết phức tạp, không cần xác minh bổ sung và hình thức kỷ luật dự kiến áp dụng không phải là đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học.

Điều 23. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường

1. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường:

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường, Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) hoặc Phó Hiệu trưởng nhà trường, Phó Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có);

b) Thường trực Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên của Trường.

c) Các ủy viên Hội đồng gồm những người được giao phụ trách sinh viên bị xem xét kỷ luật (Giáo viên chủ nhiệm); đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Nhà trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Hội đồng kỷ luật sinh viên của Nhà trường do Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) quyết định thành lập để xét kỷ luật đối với từng sinh viên vi phạm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 24. Thời hiệu, hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 12 tháng đối với hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Hiệu lực của quyết định kỷ luật tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật. Thời hạn có hiệu lực tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật. Quyết định kỷ luật phải ghi cụ thể hình thức, thời hạn có hiệu lực, lý do sinh viên bị thi hành kỷ luật và các quyền lợi mà sinh viên bị kỷ luật không được hưởng trong thời gian bị kỷ luật.

3. Quyết định kỷ luật hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Sau 03 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật;

b) Sau 06 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực;

c) Trường hợp sinh viên bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã thực hiện 1/3 thời hạn kỷ luật và lập thành tích, được cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền công nhận thì được Hội đồng kỷ luật xem xét quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật trước thời hạn.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ đối với hình thức kỷ luật đình chỉ học tập có thời hạn mà sinh viên không có các hành vi vi phạm đến mức độ bị xử lý kỷ luật thì

sinh viên được Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu được phân cấp theo thẩm quyền (nếu có) quyết định về việc tiếp nhận lại sinh viên.

Mục 6

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 25. Đánh giá thực hiện công tác sinh viên

1. Đánh giá công tác sinh viên của Nhà trường được thực hiện theo 03 nhóm tiêu chí và tính theo thang điểm 100, điểm thưởng tối đa 10 điểm dành cho việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên. Khung điểm cụ thể:

- Giáo dục sinh viên về chính trị, tư tưởng; pháp luật; đạo đức, lối sống; rèn luyện thể chất; kỹ năng (30 điểm);

- Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên (30 điểm);

- Công tác quản lý sinh viên (40 điểm);

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên (10 điểm).

Phiếu đánh giá thực hiện công tác sinh viên theo Phụ lục số IV của Quy định này.

2. Đánh giá, xếp loại:

a) Tổ chức đánh giá, xếp loại công tác sinh viên, hoàn thành trước ngày 30 tháng 8 hằng năm;

b) Xếp loại công tác sinh viên căn cứ vào tổng số điểm đạt được của toàn bộ các nội dung đánh giá và được xếp theo 05 loại: Loại xuất sắc: có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên; Loại tốt: có tổng số điểm từ 80 đến dưới 90 điểm; Loại khá: có tổng số điểm từ 70 đến dưới 80 điểm; Loại trung bình: có tổng số điểm từ 50 đến dưới 70 điểm; Loại chưa đạt: có tổng số điểm dưới 50 điểm;

c) Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại: Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên là căn cứ để Nhà trường xem xét, đánh giá hằng năm và tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên

1. Căn cứ quy định của Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, tham mưu Hiệu trưởng hoặc Giám đốc phân hiệu xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác sinh viên theo khoản 4 Điều 11 của Quy định này; tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức định kỳ đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên phù hợp với điều kiện thực tế. Bộ phận Đào tạo – Quản lý HSSV của các phân hiệu gửi kế hoạch và kết quả đánh giá cho Phòng CTHSSV tổng hợp từng học kỳ.

2. Tham mưu tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của địa phương về công tác sinh viên; hằng năm, tham mưu kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác sinh viên và bố trí nguồn lực bảo đảm cho công tác sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể, gia đình sinh viên, các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện công tác sinh viên.

4. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

5. Hằng năm, tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác sinh viên theo quy định tại Quy định này.

Điều 27. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân thực hiện công tác sinh viên

1. Đơn vị hoặc bộ phận phụ trách công tác sinh viên chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

2. Các đơn vị tham gia công tác sinh viên của Nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên theo phân công của Hiệu trưởng nhà trường hoặc Giám đốc phân hiệu.

3. Cá nhân được giao phụ trách và thực hiện công tác sinh viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên của nhà trường.

4. Hằng năm, Phòng KĐCLĐT tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác sinh viên theo quy định tại Quy định này.

Điều 28. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và đánh giá công tác sinh viên thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc

thì tiếp tục thực hiện theo quy định đang được áp dụng trước ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Đối với các hành vi vi phạm đang trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng quy định tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm. Trường hợp các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng xem xét, xử lý kỷ luật sau ngày Quy định này có hiệu lực thì áp dụng quy định theo hướng có lợi cho sinh viên./.

HIỆU TRƯỞNG

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

TS. Trương Trọng Vương

Phụ lục I

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số 508./QĐ-CĐĐS ngày 08/7/2026 của Hiệu trưởng)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Học kỳ:..... Năm học: 20..... – 20...

Họ và tên sinh viên:..... Lớp:..... Khoá:.....

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	HS tự đánh giá	GVCN đánh giá	Hướng dẫn đánh giá
1	Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường	(25)			
1.1	Trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân (Hiến pháp và pháp luật), các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong nhà trường (Nghị định, thông tư…)	10			Vi phạm pháp luật: trừ 10 điểm; không chấp hành văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý: trừ 5 điểm/vi phạm.
1.2	Trách nhiệm chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của nhà trường.	15			Vi phạm nội quy của Trường: vi phạm mức cảnh cáo trở lên: trừ 15 điểm; khiển trách: trừ 10 điểm; các lỗi khác: trừ 1 điểm/lỗi/lần (trang phục; hành vi ứng xử)
2	Trách nhiệm, tinh thần và thái độ trong học tập	(20)			
2.1	Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học	5			Đi học muộn: trừ 1 điểm/lần; bỏ tiết, nghỉ học không lý do: trừ 2 điểm/lần; các lỗi khác (làm việc riêng...): trừ 1 điểm/lỗi
2.2	Trách nhiệm và tinh thần tham gia các kỳ thi, cuộc thi	5			Đến muộn thi: trừ 1 điểm/lần; bỏ thi: trừ 3 điểm/lần; vi phạm nội quy phòng thi mức khiển trách: trừ 3 điểm/lỗi, mức cảnh cáo trở lên: trừ 5 điểm.
2.3	Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	10			Không có môn học, mô-đun phải thi lại: đạt 4 điểm; đạt mức xếp loại học lực từ khá: đạt 4 điểm; xếp loại học lực tốt: đạt 5 điểm; xếp loại học lực xuất

					sắc: đạt 6 điểm.
3	Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội	(20)			
3.1	Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị	6			Tham gia đầy đủ buổi chào cờ; không vi phạm nội quy trường, pháp luật của nhà nước. Mỗi lượt vi phạm: trừ 2 điểm.
3.2	Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao.	6			- Tham gia 1 hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao do nhà trường tổ chức: đạt 3 điểm; có đạt giải thưởng: đạt 6 điểm; - Tham gia ít nhất một câu lạc bộ do trường hoặc tổ chức, cá nhân thành lập: đạt 6 điểm
3.3	Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội	4			- Đạt 3 điểm khi tham gia đầy đủ hoạt động công ích do Trường phát động. - Đạt 2 điểm khi tham gia hoạt động tình nguyện, công tác xã hội trong và ngoài Trường.
3.4	Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	4			Đạt điểm khi có tham gia tổ, hội, nhóm tuyên truyền hoặc/và đăng hoặc chia sẻ thông tin thông qua trang mạng xã hội (Facebook, Zalo...): 2 điểm/bài đăng
4	Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng	(15)			
4.1	Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	10			Đạt điểm khi có tham gia tổ, hội, nhóm tuyên truyền hoặc/và đăng hoặc chia sẻ thông tin thông qua trang mạng xã hội (Facebook, Zalo...): 2 điểm/bài đăng
4.2	Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng	5			Đạt điểm khi có minh chứng phù hợp (giấy khen, bằng khen...)
5	Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng	(20)			
5.1	Trách nhiệm, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm	7			Được tập thể lớp bình bầu và GVCN xác nhận: mức Xuất sắc: đạt 7 điểm; Tốt: đạt 5 điểm; Khá đạt 3 điểm.

	vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức khác của nhà trường				
5.2	Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và nhà trường	8			Căn cứ vào nhận xét của GVCN và kết quả bình bầu của lớp để xác định mức độ tích cực tham gia của sinh viên theo các mức: XS: 8 điểm; Tốt: 6 điểm và mức Khá: 4 điểm; Trung bình: 2 điểm.
5.3	Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoạt động khởi nghiệp và các cuộc thi, hoạt động khác dành cho sinh viên được nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng	5			Đạt điểm khi có minh chứng cụ thể (báo cáo khoa học; đề án khởi nghiệp.... giấy khen, bằng khen...). Có báo cáo khoa học; đề án khởi nghiệp... : đạt 3 điểm; có giấy khen, bằng khen...: đạt 5 điểm.
	Tổng	**100**			

Phần giáo viên chủ nhiệm ghi:

- Tổng điểm:.....
- Xếp loại rèn luyện: .....

....., ngày .... tháng .... năm 20....

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM **SINH VIÊN**

Chú ý:

- Điểm đánh giá tối đa mỗi tiểu mục bằng điểm được phân bổ cho mỗi tiểu mục đó; điểm trừ tối đa bằng điểm phân bổ cho mỗi tiểu mục đó.
- Tại mục Mục 5.1: trường hợp lớp trưởng, lớp phó kiêm Bí thư đoàn thanh niên, Hội trưởng Hội sinh viên thì chỉ lấy điểm cao nhất. Thời gian lớp đi thực tập hiện trường không được đánh giá.
- Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình.

Phụ lục II
MẪU BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-CĐĐS ngày .../.../2026 của Hiệu trưởng)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.... năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Lớp:..... Khoá:.....
Học kỳ:..... Năm học: 20 ....

TT	Họ và tên sinh viên	GVCN lớp đánh giá		Hội đồng nhà trường đánh giá		Ghi Chú
		Điểm RL	Xếp loại	Điểm RL	Xếp loại	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						

Tổng hợp:

Xếp loại	Xuất sắc	Tốt	Khá	T.Bình	Yếu
GVCN xếp loại					
Hội đồng đánh giá xếp loại					

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Phụ lục III
KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số 518/QĐ-CĐĐS ngày 08/7/2026 của Hiệu trưởng)

KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT SINH VIÊN

1. Xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách

a) Bỏ tiết và nghỉ học không lý do có tổng số tiết từ 56 giờ trở lên.

b) Học hộ hay nhờ người khác học hộ.

c) Vi phạm quy định về vệ sinh môi trường trong phòng ở KTX, phòng học tập đến mức bị lập biên bản xử lý.

d) Uống rượu, bia trong KTX; uống rượu, bia trong trường học.

đ) Hút thuốc lá không đúng nơi quy định.

e) Đưa người ngoài (không phải sinh viên của trường) đến phòng ở mà chưa được phép của cán bộ trực KTX; Gây mất trật tự trong khu vực KTX.

g) Tự ý thay đổi phòng ở hoặc di chuyển các trang thiết bị trong phòng KTX.

h) Nấu ăn, câu móc điện; đặt bàn thờ, thắp hương.

h) Trèo qua tường rào ra, vào KTX; trèo qua lan can các phòng ở KTX.

2. Xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo

a) Sinh viên đang bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm.

b) Đánh nhau, gây mất an ninh trật tự trong khu vực Nhà trường.

c) Thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ.

d) Hút thuốc lá điện tử.

đ) Làm giả hồ sơ để hưởng các chính sách đối với sinh viên.

3. Xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn

Sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm.

4. Xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi học

a) Sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm.

b) Sản xuất, mua bán, vận chuyển, phát tán, sử dụng, tàng trữ hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, ma túy, chất gây nghiện và các loại chất cấm khác.

5. Các trường hợp sau tùy theo mức độ vi phạm có thể xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học

a) Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

b) Cố ý phá hại tài sản của Nhà trường.

c) Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ sản phẩm do lấy cắp mà có.

d) Chứa chấp che dấu hàng lậu và tội phạm.

đ) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, uy tín, xâm phạm thân thể đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và sinh viên khác trong Nhà trường.

e) Gây rối hoặc đưa phần tử xấu để gây rối an ninh, trật tự trong Nhà trường và nơi công cộng.

g) Sản xuất, mua bán, vận chuyển, phát tán, sử dụng, tàng trữ hoặc lôi kéo người khác sử dụng các tài liệu, ấn phẩm có nội dung chứa thông tin phản động, đồi trụy đi ngược với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia hoạt động, truyền bá mê tín dị đoan và các hành vi vi phạm khác trong Nhà trường.

h) Đăng tải, bình luận, chia sẻ các bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, đồi trụy, bạo lực, phản động, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Intenet.

i) Các hành vi vi phạm pháp luật khác.

k) Đối với các hành vi vi phạm mà gây thiệt hại tài sản của tổ chức, cá nhân thì ngoài hình thức kỷ luật trên, người vi phạm còn phải bồi thường những thiệt hại mà mình đã gây ra.

l) Đối với trường hợp vi phạm Quy chế thi thì thực hiện theo quy định Nội quy phòng thi và Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp hiện hành./.

Phụ lục IV
MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SINH VIÊN
(Kèm theo Quyết định số 508/QĐ-CĐĐS ngày 08/7/2026 của Hiệu trưởng)

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG TÁC SINH VIÊN
Năm học 20.... - 20...

Stt	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu/hướng dẫn	Thang điểm tối đa	Điểm đạt được	Minh chứng và ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giáo dục sinh viên về chính trị, tư tưởng; pháp luật; đạo đức, lối sống; rèn luyện thể chất; kỹ năng		((30))		
1.1	Giáo dục chính trị, tư tưởng		(6)		
a	Phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các định hướng lớn của ngành Giáo dục	- Tổ chức các diễn đàn, hoạt động giáo dục đa dạng. - Nắm bắt thông tin, xây dựng các phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với thực tế của sinh viên	2		
b	Cung cấp thông tin về các vấn đề chính trị, thời sự trong nước và quốc tế có liên quan		2		
c	Trang bị kiến thức nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc		2		
1.2	Giáo dục pháp luật		(6)		
	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên kiến thức về Hiến pháp, pháp luật liên quan quyền con người,	- Tổ chức diễn đàn, hội thi, hoạt động ngoại khóa...; - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên.	2		
	quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân,		2		
	quyền, trách nhiệm của sinh viên và các quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến sinh viên.		2		
1.3	Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ		(8)		
a	Giáo dục, bồi dưỡng ý	Tổ chức các hoạt động	2		

	thức công dân; trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội;	văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ, thể thao và trải nghiệm xã hội phù hợp.			
b	tinh thần cống hiến, khát vọng vươn lên, lập nghiệp, khởi nghiệp;		2		
c	ý thức ứng xử văn minh trong môi trường học tập, sinh hoạt và không gian mạng;		2		
d	tôn trọng sự khác biệt, đề cao hợp tác, hội nhập và phát triển bền vững.		2		
1.4	Giáo dục thể chất		(6)		
	Hướng dẫn cho sinh viên nội dung, phương pháp tập luyện thể dục, thể thao đúng cách, an toàn, hình thành thói quen tự tập luyện thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất của bản thân	Tổ chức, thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ CTMH GDTC trong CTĐT	2		
		Tổ chức ít nhất một năm một hoạt động thi đấu thể thao cho sinh viên;	2		
		Tổ chức tư vấn, định hướng sinh viên tham gia tập luyện và thi đấu các môn thể thao nhằm tăng cường thể lực, phát triển thể chất	2		
1.5	Giáo dục kỹ năng		(4)		
a	Tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phòng tránh rủi ro trên không gian mạng	Có xây dựng chương trình hoặc kế hoạch, tài liệu và tổ chức thực hiện	2		
b	Kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng hội nhập		2		
2	Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên		((30))		
2.1	Tư vấn học đường và công tác xã hội	- Thực hiện khảo sát, rà soát, phỏng vấn, đánh giá, tổng hợp thông tin và phát hiện sớm, phân loại nội dung cần tư vấn, hỗ trợ cho người học. - Xây dựng Kế hoạch công tác tư vấn học đường và công tác xã hội cho người học. - Tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác tư vấn học đường và công tác xã hội cho người học. - Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch công	(14)		
a	Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về học tập cho người học		4		
b	Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về giới, quan hệ xã hội cho người học		2		
c	Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về tâm lý cho người học		2		
d	Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về kỹ năng sống cho người học		2		
đ	Tư vấn, hỗ trợ các vấn đề về chính sách, pháp luật cho người học		2		
e	Tư vấn, hỗ trợ về dịch vụ		2		

	công tác xã hội cho người học	tác tư vấn học đường và công tác xã hội cho người học. - Thực hiện báo cáo học kỳ; báo cáo năm học.			
2.2	Tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tư vấn. - Khảo sát, thống kê số lượng người học tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp và số lượng người học khởi nghiệp hằng năm. - Báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chủ quản định kỳ hằng năm.	(6)		
a	Tư vấn nghề nghiệp		2		
b	Tư vấn việc làm		2		
c	Hỗ trợ khởi nghiệp		2		
2.3	Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe		(4)		
	Tư vấn cho người học về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, yếu tố nguy cơ sức khỏe, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, phát triển thể chất, tinh thần và hoạt động thể lực.	Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện.	4		
2.4	Thực hiện chế độ, chính sách đối với sinh viên		(6)		
a	Hướng dẫn, thực hiện thủ tục miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập,	- Thông tin, tuyên truyền cho người học. - Xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học. - Lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu quy định gửi về Ủy ban nhân dân xã, phường.	2		
	trợ cấp xã hội và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cho sinh viên		2		
b	Thực hiện cấp học bổng cho người học	Có thực hiện xét, cấp học bổng cho sinh viên	2		
3	Công tác quản lý sinh viên		((40))		
3.1	Tổ chức, hành chính		(12)		
a	Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban Cán sự lâm thời lớp sinh viên; cấp thẻ cho sinh viên.	Thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình, quy định	2		
b	Quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan của sinh viên theo quy định	Lưu trữ đầy đủ hồ sơ bảo đảm an toàn, bảo mật, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ	2		

		các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.			
c	Xác nhận, cấp các giấy tờ, giải quyết thủ tục đối với sinh viên	Thực hiện đầy đủ, kịp thời cho người học theo quy định	2		
d	Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hằng năm về công tác sinh viên	Có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch	2		
đ	Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu sinh viên, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ	Thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật	2		
e	Tổ chức triển khai các thủ tục liên quan đến sinh viên trên môi trường số	Có tổ chức triển khai theo quy định của pháp luật	2		
3.2	Đánh giá kết quả rèn luyện và công tác khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên		(6)		
a	Đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên	Thực hiện đầy đủ cho các lớp theo quy trình, quy định	2		
b	Khen thưởng đối với sinh viên		2		
c	Kỷ luật đối với sinh viên		2		
3.3	Quản lý sinh viên nội trú		(9)		
a	Bố trí lực lượng trực bảo đảm giải quyết kịp thời các sự vụ liên quan đến sinh viên trong khu nội trú.	Có bố trí lực lượng thường trực khu nội trú.	2		
b	Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định của sinh viên nội trú và xử lý các vi phạm khi xảy ra.	Thường xuyên kiểm tra và xử lý các vi phạm kịp thời.	2		
c	Tổ chức các hoạt động tự quản để sinh viên phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm với bản thân, biết tôn trọng tập thể.	Có hoạt động tổ chức tự quản.	1		
d	Khen thưởng sinh viên nội trú có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động ở khu nội trú	Có hoạt động khen thưởng cho sinh viên.	1		
đ	Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa đơn vị phụ trách khu nội trú với sinh viên và gia đình sinh viên.	Có thiết lập kênh thông tin liên lạc đầy đủ, kịp thời	2		
e	Xây dựng, tổ chức các	Có xây dựng, tổ chức các	1		

	phong trào thi đua trong khu nội trú.	phong trào thi đua trong khu nội trú về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, mỹ quan trong phòng ở, khu nội trú.			
3.4	Quản lý sinh viên ngoại trú		(9)		
a	Xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện công tác phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong quản lý và hỗ trợ sinh viên ngoại trú.	Có xây dựng kế hoạch phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương hằng năm	1		
b	Lập kênh thông tin giữa nhà trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ trên địa bàn.	Có lập kênh thông tin giữa nhà trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ	2		
c	Cập nhật việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên	Cập nhật kịp thời thay đổi nơi cư trú	1		
d	Phối hợp với cơ quan công an trong công tác quản lý cư trú, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Có thực hiện phối hợp và kết nối dữ liệu theo quy định của pháp luật	1		
đ	Giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh liên quan đến sinh viên ngoại trú	Giải quyết đầy đủ, kịp thời các vụ việc phát sinh liên quan đến sinh viên ngoại trú	2		
e	Tổ chức tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm	Có tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm	1		
g	Công bố đầu mối tiếp nhận thông tin để sinh viên kịp thời phản ánh, cung cấp các thông tin cần thiết có liên quan đến nhà trường.	Có công bố đầu mối tiếp nhận thông tin	1		
3.5	Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học		(4)		
a	Xây dựng, ban hành và thực hiện nội quy, quy định, chương trình, kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học trong sinh viên	Có thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật	2		
b	Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình của sinh viên để có biện pháp quản	Thực hiện đầy đủ, thường xuyên, xử lý kịp thời theo quy định của	2		

	lý, tuyên truyền, giáo dục, xử lý kịp thời hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, an toàn trường học	pháp luật			
4	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên.	Có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên.	(10)		
	Tổng		**110**		

KẾT LUẬN:

- Tổng điểm đạt được:..... điểm.

- Xếp loại:.....

.... ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG